TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: **104**/2024/DS-PT
Ngày 10/4/2024
V/v "Tranh chấp chia di sản thừa kế"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: ông Võ Ngọc Thông;

Các Thẩm phán: ông Phạm Văn Hợp;

bà Trần Thị Kim Liên.

***- Thư ký phiên tòa*:** ông Lương Quang Toàn - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: bà Bùi Thị Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 4năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 178/2023/TLPT-DS ngày 05 tháng 10 năm 2023 về *"Tranh chấp chia di sản thừa kế"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 14/2023/DS-ST ngày 22 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 535/2024/QĐPT-HC ngày 05 tháng 01 năm 2024 và Thông báo mở lại phiên tòa số 365 ngày 01/3/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: bà Dương Thị C, sinh năm 1956; địa chỉ: số B N, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà C*:* anh Dương Minh N, sinh năm: 1999; địa chỉ: thôn X, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Có Đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: bà Nguyễn Thị Bích T, sinh năm 1974; địa chỉ: thôn X, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà T*:* ông Nguyễn Trung S, sinh năm: 1983; địa chỉ: số A N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà T*:* ông Lê Thanh K - Luật sư Công ty L3 và Cộng sự thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đ; địa chỉ: G Y, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập:

+ Ông Dương T1, sinh năm 1959; địa chỉ: thôn C, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk. Có Đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Ông Dương Ngọc C1, sinh năm 1964; địa chỉ: thôn X, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

+ Ông Dương C2, sinh năm: 1966; địa chỉ: thôn X, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

+ Ông Dương Minh H, sinh năm: 1972; địa chỉ: thôn X, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

+ Bà Nguyễn Thị Thái L, sinh năm: 1971; địa chỉ: thôn X, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Có Đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Bà Trần Thị Minh L1, sinh năm: 1975; địa chỉ: thôn X, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Có Đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ủy ban nhân dân huyện K. Vắng mặt.

+ Chị Dương Nguyễn Thiên K1, sinh năm: 2002; địa chỉ: thôn X, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

+ Anh Dương Minh N1, sinh năm: 2000; địa chỉ: thôn X, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

+ Chị Dương Nguyễn T2, sinh năm: 1997; địa chỉ: thôn X, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

+ Chị Dương Tường V, sinh năm: 2000; địa chỉ: thôn X, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền của chị T2*, chị* V*:* bà Trần Thị Minh L1, sinh năm: 1975; địa chỉ: thôn X, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Có Đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Cháu Dương Quỳnh M, sinh năm 2007.

Người đại diện hợp pháp của cháu M: bà Trần Thị Minh L1 (mẹ đẻ). Có Đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Cháu Dương Văn M1, sinh năm 2012

Người đại diện hợp pháp của cháu M1*:* bà Nguyễn Thị Thái L. Có Đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người kháng cáo: anh Dương Minh N người đại diện của bà Dương Thị C, ông Dương T1, ông Dương C2, ông Dương Ngọc C1; bị đơn bà Nguyễn Thị Bích T.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo Đơn khởi kiện ngày 20/01/2022, đơn thay đổi nội dung khởi kiện và quá trình tố tụng, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Bà Dương Thị C là con gái của cụ Dương T3, sinh năm 1933 và cụ Lê Thị T4, sinh năm 1932. Cụ T3 và cụ T4 có 08 người con, bao gồm: bà Dương Thị C, sinh năm 1956; ông Dương T1, sinh năm 1959; ông Dương Đ, sinh năm 1962; ông Dương Ngọc C1; sinh năm 1964; ông Dương C2, sinh năm 1966; ông Dương Anh H1, sinh năm 1968; ông Dương Minh H, sinh năm 1970; ông Dương Minh H2, sinh năm 1972.

Năm 1993, cụ Dương T3 chết, đến năm 2001 thì cụ Lê Thị T4 chết. Trước khi chết, cả hai cụ đều không để lại di chúc.

Di sản hai cụ để lại là lô đất diện tích 2.080m^2 tại thôn X, xã P, huyện K đã có Giấy chứng nhận QSD đất số A198934 do UBND huyện K cấp ngày 07/6/1992 mang tên cụ Dương T3. Đến ngày 28/3/2006, trong lúc bà C không có mặt ở địa phương, 07 người em trai của bà C đã bàn bạc giao toàn bộ di sản của hai cụ cho em trai là ông Dương Anh H1 quản lý, sử dụng mà không có sự đồng ý và thống nhất của bà C.

Sau đó, ông H1 đã tự ý làm thủ tục sang tên toàn bộ tài sản của hai cụ cho ông. Đến ngày 07/8/2006 được UBND huyện K cấp Giấy chứng nhận QSD đất số AC 969938 mang tên hộ Dương A Hồng tại Thửa đất số 366, Tờ bản đồ số 10, diện tích 2.080 m^2.

Đến năm 2006, ông H1 chết, di sản này do vợ là bà Nguyễn Thị Bích T quản lý, sử dụng. Bà T có ý định sang tên để chiếm đoạt toàn bộ khối di sản nên bà C và những anh em còn lại trong gia đình biết được đã ngăn chặn. Nay bà C làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: chia di sản thừa kế của cha mẹ để lại là thửa đất nêu trên có diện tích thực tế là 3.664,8m^2, yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 969938 do UBND huyện K cấp ngày 07/8/2006 mang tên ông H1. Bà C có nguyện vọng được chia bằng hiện vật là quyền sử dụng đất; đối với phần di sản được chia, bà C xin được nhập chung với các em trai để làm nơi thờ tự cha mẹ.

Bị đơn, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là ông Nguyễn Trung S***, trình bày:***

Bà Nguyễn Thị Bích T có chồng là ông Dương Anh H1 (sinh năm 1968). Ông H1 chết ngày 26/11/2006 có để lại di sản thừa kế là quyền sử dụng đất và

tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại thôn X, xã P, huyện K thuộc Thửa đất số 366, Tờ bản đồ số 10 được UBND huyện K cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 969938 ngày 07/8/2006 cho ông H1. Nguồn gốc của quyền sử dụng đất này là ông H1 được nhận thừa kế của bố mẹ đẻ để lại. Việc nhận thừa kế được lập bằng văn bản, cụ thể ngày 28/03/2006 các người con đẻ của hai cụ gồm 07 người: ông Dương T1, ông Dương Đ, ông Dương Ngọc C1, ông Dương C2, ông Dương Anh H1, ông Dương Minh H, ông Dương Minh H2 tổ chức họp gia đình và lập biên bản với nội dung là tất cả các người con của hai cụ thống nhất giao ông H1 toàn quyền sử dụng và quản lý di sản của bố mẹ để lại, có xác nhận của Ban tự quản thôn và UBND xã P vào ngày 17/5/2006.

Trên cơ sở biên bản họp gia đình, ông H1 làm đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với di sản thừa kế của bố mẹ để lại và được UBND huyện K cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 969938 ngày 07/8/2006.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị C, yêu cầu chia phần di sản thừa kế của bố mẹ để lại thì bà Nguyễn Thị Bích T đồng ý thanh toán giá trị cho bà C hoặc sẽ chia đất theo quy định.

Đối với yêu cầu của những người anh em còn lại thì bà T không đồng ý vì trước đây những người này đã đồng ý nhường lại kỷ phần thừa kế mà mình được hưởng của bố mẹ để lại cho ông H1 và đã làm thủ tục sang tên nên nay không được quyền thay đổi.

Đối với yêu cầu hủy bìa đỏ, thì bà T không chấp nhận vì trong quá trình giải quyết hồ sơ các cơ quan nhà nước có thẩm quyền tại huyện K đã giải quyết đúng trình tự, thủ tục chuyển quyền sử dụng đất từ cụ Dương T3, sang tên ông Dương Anh H1.

Theo Đơn khởi kiện độc lập và quá trình tố tụng, những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trình bày:

1. Ông Dương T1*, ông* Dương Ngọc C1*, ông* Dương C2*, ông* Dương Minh H *trình bày:*

Chúng tôi là con trai của cụ Dương T3 và cụ Lê Thị T4. Ba mẹ chúng tôi có 08 người con như bà Dương Thị C trình bày.

Trong bảy anh em trai thì ông Dương Đ đã mất ngày 19/12/2021. Ông Dương Đ có vợ là bà Nguyễn Thị Thái L và có một người con chung là cháu Dương Văn M1. Còn ông Dương Minh H2 chết ngày 12/11/2011. Ông Dương Minh H2 có vợ tên là Trần Thị Minh L1 và có 03 người con là cháu Dương Nguyễn T2, Dương Tường V và Dương Quỳnh M.

Năm 1993 ba chúng tôi mất, đến năm 2001 thì mẹ chúng tôi mất. Khi mất, ba mẹ chúng tôi có để lại di sản là lô đất diện tích 2.080 m^2 (diện tích thực tế là 3.664,8m^2) tại thôn X, xã P, huyện K nhưng không để lại di chúc.

Năm 2001, bảy anh em trai lập biên bản thống nhất nhà đất thuộc quyền sử dụng của bảy anh em trai. Đến ngày 28/3/2006, bảy anh em chúng tôi lập biên bản (không có mặt của chị gái đầu là bà C) giao nhà, đất cho em trai là ông H1 quản lý, sử dụng, mục đích là để trông coi nhà cửa làm nơi gia đình thờ tự bố mẹ. Chúng tôi chỉ là giao để quản lý chứ hoàn toàn không đồng ý để ông H1 sang tên. Sau đó ông H1 đã tự ý làm thủ tục sang tên toàn bộ tài sản của ba mẹ chúng tôi để lại, ngày 07/8/2006 được UBND huyện K cấp Giấy chứng nhận QSD đất mang tên hộ ông Dương Anh H1.

Đến cuối năm 2006 ông H1 chết, di sản này do vợ là bà T quản lý, sử dụng và có ý định chiếm đoạt toàn bộ khối di sản này, đã tự ý tiến hành làm thủ tục sang tên toàn bộ di sản của ba và mẹ chúng tôi để lại qua tên bà T nhằm bán tài sản này, chúng tôi biết được đã làm đơn đề nghị ngăn chặn.

Di sản này có nhà thờ tổ nơi thờ cúng cha mẹ chúng tôi. Do đó, bà C làm đơn khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế thì chúng tôi đồng ý, đồng thời chúng tôi cũng yêu cầu chia di sản thừa kế của bố mẹ để lại là quyền sử dụng lô đất, trên đất có nhà ở. Đối với các cây Bơ, giếng khoan là do vợ chồng ông H1 tạo lập, và sửa sang lại một phần nhà bếp. Chúng tôi có nguyện vọng nhận đất để làm nơi thờ tự, giao cho ông Dương T1 đại diện quản lý di sản; đồng thời yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 969938 do UBND huyện K cấp ngày 07/8/2006 mang tên hộ Dương Anh H1.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Minh L1 và bà Nguyễn Thị Thái L thì chúng tôi cũng hoàn toàn đồng ý.

2. Bà Trần Thị Minh L1 *(đồng thời là người đại diện ủy quyền của chị* Dương Nguyễn T2*, chị* Dương Tường V*) và là người giám hộ của cháu* Dương Quỳnh M *trình bày:*

Tôi là vợ ông Dương Minh H2. Vợ chồng tôi có 03 người con là Dương Nguyễn T2, sinh ngày 25/3/1997; Dương Tường V, sinh ngày 04/02/2000 và Dương Quỳnh M, sinh ngày 02/10/2007. Ông H2 chết ngày 12/11/2011, không để lại di chúc. Mẹ con tôi đề nghị Tòa án giải quyết phân chia di sản ông bà nội để lại là quyền sử dụng lô đất, trên đất có nhà ở. Đối với các cây Bơ, giếng khoan, tôi xác nhận là do vợ chồng ông H1 tạo lập, và sửa sang lại một phần nhà bếp. Chúng tôi xin nhận đất và có nguyện vọng nhập chung với các anh chị để làm nơi thờ cúng cha mẹ.

3. Bà Nguyễn Thị Thái L*, (đồng thời là người đại diện hợp pháp của cháu* Dương Văn M1*) trình bày:*

Tôi là vợ ông Dương Đ. Chúng tôi có 01 người con là Dương Văn M1, sinh ngày 20/01/2012. Ông Đ mất ngày 19/12/2021, không để lại di chúc. Mẹ con tôi đề nghị Tòa án giải quyết phân chia di sản ông bà nội để lại là quyền sử dụng lô đất nói trên, trên đất có nhà ở. Đối với các cây Bơ, giếng khoan là do vợ chồng ông H1 tạo lập, và sửa sang lại một phần nhà bếp. Chúng tôi xin nhận đất và có nguyện vọng nhập chung với các anh chị để làm nơi thờ cúng cha mẹ.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

1. Chị Dương Quỳnh M *trình bày:* tôi là con ông Dương Minh H2, bà Trần Thị Minh L1. Đối với di sản ông bà để lại, thì gia đình tôi có nguyện vọng được chia theo quy định của pháp luật. Đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà C, không có ý kiến gì thêm.

2. Anh Dương Minh N1 *và chị* D Nguyễn Thiên K1 *trình bày:* chúng tôi là con của bà Nguyễn Thị Bích T và ông Dương Anh H1. Năm 2006 ba tôi đã chết và từ khi sinh ra cho đến nay, gia đình tôi vẫn sinh sống ổn định trên lô đất 2.080 m^2. Nguồn gốc lô đất này là ba và mẹ tôi phụng dưỡng ông bà nội nên sau khi ông bà nội chết, các anh chị em của ba đã thống nhất để lại toàn bộ tài sản này cho ba mẹ tôi nên đã làm thủ tục và được cấp bìa đỏ theo quy định. Năm 2022, mẹ tôi và hai anh em tôi đã thỏa thuận làm thủ tục thừa kế cho mẹ đứng tên tài sản này thì bà Dương Thị C khởi kiện để yêu cầu phân chia di sản. Tôi không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà C, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật để bảo vệ quyền lợi cho ba mẹ con tôi. Trong trường hợp Tòa án giải quyết và xác định phân chia cho chúng tôi phần di sản chúng tôi được hưởng thì chúng tôi từ chối nhận và giao hết cho mẹ là bà T toàn quyền quản lý, sử dụng.

3. Đại diện Ủy ban nhân dân huyện K *trình bày:*

Ngày 20/4/2006, ông Dương Anh H1 nộp đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại Thửa đất số 336, Tờ bản đồ số 10 (cũ). Nguồn gốc sử dụng: nhận thừa kế. Ngày 21/4/2006, UBND xã P xác nhận đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào Đơn xin cấp GCNQSD đất của ông H1. Trên cơ sở đó, ngày 07/6/2006, UBND huyện K ký GCNQSD đất cho hộ ông H1. Đối với yêu cầu chia di sản thừa kế và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của các đương sự, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 14/2023/DS-ST ngày 22/6/2023 của Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

- Căn cứ khoản 5 Điều 26, Điều 144, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157, Điều 165, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 649, 650, 651, 652 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Dương Thị C và đơn yêu cầu độc lập của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Dương T1, ông Dương Ngọc C1, ông Dương C2, ông Dương Minh H, bà Nguyễn Thị Thái L, bà Trần Thị Minh L1.

[1.1] Xác nhận lô đất diện tích 3.664,8m^2 tại thôn X, xã P, huyện K thuộc Thửa đất số 366, Tờ bản đồ số 10 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 969938 do Ủy ban nhân dân huyện K cấp ngày 07/8/2006 cho hộ ông Dương Anh H1 là di sản thừa kế của cụ Dương T3 và cụ Lê Thị T4 để lại.

[1.2] Giao cho bà Nguyễn Thị Bích T được quyền sử dụng 3.664,8m^2 đất tại thôn X, xã P, huyện K (thuộc Thửa đất số 366, Tờ bản đồ số 10 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 969938 do Ủy ban nhân dân huyện K cấp ngày 07/8/2006 cho hộ ông Dương Anh H1), có vị trí: hướng Bắc giáp đường nhựa Tỉnh lộ 3 dài 22.08m; hướng Nam giáp đất ông B dài 14.7m; hướng Đông giáp đất ông C2 dài 170.46m; Phía Tây giáp đất ông Đ1 dài 199.52mvà sở hữu toàn bộ tài sản trên đất, gồm có: Nhà chính diện tích 72.16m^2; Nhà bếp diện tích 40.5m^2; Nhà vệ sinh + bể chứa nước diện tích 8.16m^2; Sân xi măng diện tích 209.76m^2; T5 rào móng xây đá hộc, tường xây gạch ống (tường 10cm) dài 22.08m; Hàng rào lưới B40 dài 14m; 01 giếng khoan; 01 giếng đào sử dụng chung với ông Nguyễn Đình Đ2; 96 cây Bơ Bost trồng năm 2015.

[1.3] Bà Nguyễn Thị Bích T có nghĩa vụ thanh toán cho những người sau:

- Bà Dương Thị C số tiền 275.000.000 đồng *(Hai trăm bảy mươi lăm triệu đồng).*

- Ông Dương T1 số tiền 275.000.000 đồng *(Hai trăm bảy mươi lăm triệu đồng).*

- Ông Dương Ngọc C1 số tiền 275.000.000 đồng *(Hai trăm bảy mươi lăm triệu đồng).*

- Ông Dương C2 số tiền 275.000.000 đồng *(Hai trăm bảy mươi lăm triệu đồng).*

- Ông Dương Minh H số tiền 275.000.000 đồng *(Hai trăm bảy mươi lăm triệu đồng).*

- Bà Nguyễn Thị Thái L, anh Dương Văn M1 số tiền 275.000.000 đồng *(Hai trăm bảy mươi lăm triệu đồng).*

- Bà Trần Thị Minh L1, chị Dương Nguyễn T2, chị Dương Tường V và chị Dương Quỳnh M số tiền 275.000.000 đồng *(Hai trăm bảy mươi lăm triệu đồng).*

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về phần án phí, chi phí tố tụng, định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, quy định về thi hành án và thông báo về quyền kháng cáo.

Ngày 04/7/2023, anh Dương Minh N người đại diện của bà Dương Thị C và các ông Dương T1, ông Dương C2, ông Dương Ngọc C1 kháng cáo với nội dung đề nghị được nhận di sản thừa kế bằng hiện vật.

Ngày 04/7/2023, bị đơn bà Nguyễn Thị Bích T kháng cáo với nội dung không chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia thừa kế của nguyên đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Tại phiên toà phúc thẩm hôm nay:

Bà Dương Thị C, ông Dương C2, ông Dương Ngọc C1 vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và khởi kiện; bị đơn bà Nguyễn Thị Bích T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Ý kiến của ông Dương Ngọc C1*:* không chấp nhận diện tích đất tăng hơn so với GCNQSDĐ là do vợ chồng bà T lấn đất thêm của Hợp tác xã P mà do trước đây đo đạc bằng tay không chính xác, hiện nay đo bằng máy nên chính xác hơn. Về công sức đóng góp, giữ gìn tôn tạo di sản, vợ chồng bà T chỉ ở trên đất chứ không có công sức gì, nên không đồng ý tính thêm khoản này cho bà T. Về chia di sản nhận bằng hiện vật, nếu Toà án chia cho chúng tôi nhận bằng hiện vật là đất chiều ngang theo mặt đường chính chỉ có 6m, chúng tôi không đồng ý, đề nghị Toà án giải quyết theo quy định pháp luật.

Ý kiến của bà Dương Thị C*, ông* Dương C2*, ông* Dương Minh H*:* thống nhất như ý kiến của ông Dương Ngọc C1.

Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng:

- Về tố tụng: Hội đồng xét xử phúc thẩm, những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: trên cơ sở xem xét các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án và trình bày của đương sự tại phiên toà, xét thấy: về diện tích đất tăng thêm, theo Giấy chứng nhận QSD đất số A198934 do UBND huyện K cấp ngày 07/6/1992 mang tên ông Dương T3 thì diện tích của thửa đất là 2.080m^2 và theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 969938 do Ủy ban nhân dân huyện K cấp ngày 07/8/2006 cho hộ ông Dương Anh H1 thì diện tích của thửa đất vẫn

là 2.080m^2. Vì vậy, bà T trình bày cho rằng diện tích đất tăng thêm là do quá trình sử dụng vợ chồng bà đã lấn chiếm thêm phần diện tích phía sau thửa đất của HTX P và được các nhân chứng là các hộ dân ở liền kề, giáp ranh thửa đất xác nhận và được UBND xã P chứng thực là có cơ sở để xem xét chấp nhận. Về công sức đóng góp, bảo quản di sản: vợ chồng bà T đã ở và quản lý, giữ gìn, tôn tạo di sản suốt trong thời gian dài hơn 20 năm nhưng Toà án cấp sơ thẩm khi phân chia di sản chưa xem xét đến công sức quản lý, giữ gìn, tôn tạo di sản của bị đơn là chưa thoả đáng. Về chia di sản bằng hiện vật: di sản là quyền sử dụng đất 2.080m^2 diện tích lớn nên có thể phân chia được để các đồng thừa kế khác xây dựng nhà thờ cúng ông bà, cha mẹ.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo của các đương sự, sửa một phần Bản án sơ thẩm theo hướng như đã nêu trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của anh Dương Minh N người đại diện của bà Dương Thị C; ông Dương T1, ông Dương C2, ông Dương Ngọc C1 và bị đơn bà Nguyễn Thị Bích T kháng trong thời hạn luật định và hợp lệ nên được chấp nhận. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng đều có Đơn xin xét xử vắng mặt, riêng UBND huyện K vắng mặt nhưng đây là phiên toà được triệu tập hợp lệ lần thứ 3 nên Hội đồng xét xử giải quyết vắng mặt theo quy định tại khoản 3 Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và bị đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: về diện và hàng thừa kế các đương sự trong vụ án đều thừa nhận như bản án dân sự sơ thẩm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về di sản thừa kế: cụ Dương T3 chết ngày 15/10/1993, cụ Lê Thị T4 chết ngày 16/01/2001. Trước khi chết, cả 02 cụ đều không để lại di chúc. Di sản của 02 cụ để lại là lô đất tại thôn X, xã P, huyện K đã được UBND huyện K cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số (Viết tắc là GCNQSD đất) A198934 ngày 07/6/1992 mang tên ông Dương T3 diện tích là 2.080m^2. Trên đất có nhà ở, công trình xây dựng khác và cây Bơ B1. Từ khi 02 cụ chết thì vợ chồng ông Dương Anh H1, bà Nguyễn Thị Bích T là người quản lý di sản. Ông H1 và bà T là người trồng các cây Bơ Bost và khoan giếng, sửa sang lại nhà bếp.

[4] Về quá trình quản lý, sử dụng di sản: ngày 21/02/2001, 07 người con trong gia đình gồm có ông Dương T1, ông Dương Đ, ông Dương Ngọc C1, ông Dương C2, ông Dương Anh H1, ông Dương Minh H, ông Dương Minh H2 có

lập Biên bản họp gia đình với nội dung: xe Dream thuộc quyền sử dụng của ông H1; 02 máy + 01 Rmoóc để sử dụng chung trong mấy anh em; vườn và nhà nội: quyền sử dụng của bảy anh em. Đến ngày 28/3/2006, 07 người trong gia đình (gồm các ông như nêu trên) tiếp tục lập Biên bản cuộc họp với nội dung: giao nhà và đất trong khuôn viên cho ông H1 toàn quyền sử dụng và quản lý. Ngày 17/5/2006, ông H1 làm Đơn xin cấp GCNQSD đất, đến ngày 07/8/2006, Ủy ban nhân dân huyện K cấp GCNQSD đất số AC 969938 – thửa đất nêu trên cho hộ ông H1 cũng với diện tích là 2.080m^2.

[5] Việc Ban tự quản thôn xác nhận nội dung đơn của ông H1 và Cán bộ địa chính xã P xác nhận đơn xin chuyển quyền sở hữu đất của ông H1 với nội dung *"anh em trong gia đình thống nhất chuyển tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lại cho anh* Dương Anh H1*"* là không đúng quy định; bởi vì Biên bản họp gia đình ngày 28/3/2006 còn thiếu ý kiến bà Dương Thị C – là đồng thừa kế, dẫn đến Ủy ban nhân dân huyện K cấp GCNQSD đất cho ông H1 không đúng quy định của pháp luật. Đồng thời, nội dung 02 Biên bản họp gia đình nêu trên chỉ giao nhà và đất trong khuôn viên cho ông H1 quản lý, sử dụng, không trao quyền sở hữu, định đoạt cho ông H1 và không người thừa kế nào lập văn bản từ chối nhận di sản theo quy định tại Điều 642 của BLDS năm 2005. Do đó, ông H1 chỉ là người quản lý di sản theo quy định tại Điều 638 của BLDS năm 2005. Vì vậy, ông H1 làm thủ tục nhận thừa kế quyền sử dụng đất từ 02 cụ để được cấp GCNQSD đất là vi phạm Điều 639 của BLDS năm 2005, xâm phạm quyền lợi các đồng thừa kế khác. Do đó, Toà án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập là có căn cứ.

[6] Về diện tích thửa đất tăng thêm: theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng và Biên bản định giá tài sản ngày 20/12/2023 của Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, định giá lần 2 theo yêu cầu của bị đơn, kết quả gần tương đồng nhau, không chênh lệch nhiều. Cụ thể, diện tích thực tế của thửa đất là 3.664,4m^2, giá đất nhà ở là 4.882.500 đồng/m^2, giá đất vườn là 80.000 đồng/m^2, giá các loại cây trồng và vật kiến trúc không thay đổi. Tuy nhiên, theo GCNQSD đất số A198934 ngày 07/6/1992 do UBND huyện K cấp mang tên cụ Dương T3 thì diện tích là 2.080m^2 và theo GCNQSD đất số AC 969938 ngày 07/8/2006 do UBND huyện K cấp cho ông H1 thì diện tích thửa đất vẫn không thay đổi nhưng qua đo đạc thực tế thì diện tích đất chênh lệch 1.584,4m^2.

Theo nguyên đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập trình bày thì vị trí của thửa đất tứ cận không thay đổi, cụ thể: hướng Bắc giáp đường nhựa Tỉnh lộ 3 dài 22.08m; hướng Nam giáp đất ông B dài 14.7m; hướng Đông giáp đất ông C2 dài 170.46m; hướng Tây giáp đất ông Đ2 dài 199.52m.

Nhưng theo bị đơn trình bày cho rằng sở dĩ thửa đất tăng lên 1.584,4m^2 là do quá trình sử dụng đất vợ chồng bà đã lấn chiếm thêm phần đất phía sau là đất của Hợp tác xã P giải thể bỏ hoang không ai quản lý; nên từ năm 2003 vợ chồng bà bắt đầu khai phá, lấn dần và sử dụng ổn định cho đến nay. Cụ thể, hướng Đông trước đây có chiều dài là 124m thì nay là 170,46m, hướng Tây trước đây chiều dài là 126m, hiện nay là 199,52m. Đồng thời tại giai đoạn xét xử phúc thẩm bà Thủy cung c Giấy xác nhận của các nhân chứng gồm các ông, bà: Hoàng Văn B2, Hoàng T6, Nguyễn Dũng T7, Nguyễn Tiến D1, Nguyễn Thị Ngọc L2 và Nguyễn Đình Đ2 là những người ở lân cận thửa đất; trong đó ông Đ2 là người giáp ranh hướng Tây, ông B2 là người giáp ranh phía sau hướng Nam giáp với thửa đất đang tranh chấp; được UBND xã P, huyện K xác nhận ngày 06/11/2023. Vì vậy, kháng cáo của bị đơn bà T là có cơ sở để xem xét. Toà án cấp sơ thẩm đưa cả diện tích tăng thêm để chia thừa kế theo giá trị là không phù hợp với thực tế, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn.

[7] Về phân chia di sản: Như vậy, xác định di sản thừa kế của cụ Dương T3 và cụ Lê Thị T4 để lại là thửa đất diện tích 2.080m^2, có giá trị 2.087.400.000đồng tại thôn X, xã P, huyện K thuộc Thửa đất số 366, Tờ bản đồ số 10 theo GCNQSD đất số AC 969938 do Ủy ban nhân dân huyện K cấp ngày 07/8/2006 cho hộ ông Dương Anh H1. Theo Biên bản định giá tài sản ngày 20/12/2023 của Hội đồng định giá tài sản thì:

- Nhà chính và nhà bếp giá trị còn lại là 60.745.000 đồng.

- Sân, tường rào, trụ cổng, nhà vệ sinh giá trị còn lại là 18.773.700 đồng.

- 01 giếng khoan (do vợ chồng ông H1, bà T đào) trị giá 54.102.600 đồng, 01 giếng đào trị giá 19.990.800 đồng.

- 96 cây Bơ Bost do vợ chồng ông H1, bà T trồng năm 2015: 76.723.200 đồng.

- Quyền sử dụng đất theo giá thị trường của 2.080m^2 (trong đó 400m^2 đất ở, 1.680m^2 đất trồng cây hàng năm khác) là: 400m^2 x 4.882.500đồng (1) = 1.953.000đồng; 1.680m^2 x 80.000đồng = 134.400.000đồng (2); cộng (1) + (2) = 2.087.400.000đồng.

[8] Xét nguyên đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập kháng cáo xin được chia quyền sử dụng đất để làm nơi thờ cúng. Hội đồng xét xử xét thấy đây là yêu cầu chính đáng, vì diện tích của thửa đất rộng có thể phân chia được. Nhưng do hộ gia đình bà T xây dựng nhà ở theo chiều ngang của thửa đất nên Hội đồng xét xử xét thấy theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 01/3/2024 (Có sơ đồ bản vẽ kèm theo) chia cho các đồng thừa kế diện tích 986,30m^2, trong đó có 200m^2 đất ở có giá trị là: 1.039.404.000 đồng, là phù hợp với thực trạng sử dụng trên thửa đất.

[9] Xét về công sức đóng góp, bảo quản di sản: Toà án cấp sơ thẩm khi phân chia di sản là quyền sử dụng đất chia đều cho 8 đồng thừa kế được nhận kỷ phần bằng nhau mà chưa xem xét đến công sức quản lý, giữ gìn, tôn tạo di sản của bị đơn suốt trong thời gian dài gần 22 năm là chưa thoả đáng; cần trích thêm một phần công sức bằng 01 kỷ phần thừa kế cho bị đơn là phù hợp. Như vậy, giá trị mỗi kỷ phần thừa kế là: 2.087.400.000đồng : 9 = 231.933.300đồng (Phần của bà T được nhận là: 463.866.600đồng).

Đối với nhà ở, công trình phụ, giếng nước và cây trồng trị giá 230.335.300đồng, trong đó ông H1 – bà T là người thay thế toàn bộ cây trồng, làm lại nhà bếp, khoan giếng nên giao cho bà T là phù hợp; đồng thời các đồng thừa kế khác cũng không yêu cầu chia thừa kế.

Anh Dương Văn M1 là người thừa kế của ông Dương Đ; bà Trần Thị Minh L1, chị Dương Nguyễn T2, chị Dương Tường V và chị Dương Quỳnh M là người thừa kế của ông Dương Minh H2 nên người thừa kế thế vị cùng được hưởng di sản mà ông Đ, ông H2 được chia.

Các con của bà T có nguyện vọng nếu được hưởng di sản thừa kế của bố là ông Dương Anh H1 thì xin được tặng cho bà T nên cần ghi nhận.

[10] Giao cho bà Nguyễn Thị Bích T được quyền sử dụng 1.093,70m^2 đất, trong đó có 200m^2 đất ở; có giá trị là: 1.047.996.000đồng (Tính cả phần diện tích đất tăng thêm tổng cộng là 2.678,10m^2) có vị trí: hướng Bắc giáp đường nhựa Tỉnh lộ 3 dài 16,08m; hướng Nam giáp đất ông Hoàng Văn B2 dài 9,7m; hướng Đông giáp đất chia cho các đồng thừa kế dài 185m; hướng Tây giáp đất ông Nguyễn Đình Đ2 dài 199,2m và sở hữu toàn bộ tài sản trên đất, gồm có: Nhà chính diện tích 72.16m^2; Nhà bếp diện tích 40.5m^2; Nhà vệ sinh + bể chứa nước diện tích 8.16m^2; Sân xi măng diện tích 209.76m^2; T5 rào móng xây đá hộc, tường xây gạch ống (tường 10cm) dài 22.08m; Hàng rào lưới B40 dài 14m; 01 giếng đào sử dụng chung với ông Nguyễn Đình Đ2; 90 cây Bơ Bost trồng năm 2015.

[11] Buộc bà T giao cho 07 đồng thừa kế gồm các ông, bà: Dương Thị C, Dương T1, D, Dương Ngọc C1, Dương C2, Dương Minh H, Dương Minh H2 01 lô đất có diện tích 986,30m^2 (Có sơ đồ bản vẽ kèm theo), trong đó có 200m^2 đất ở, trị giá 1.039.404.000đồng (Cộng với 01 giếng khoan và 06 cây Bơ Bost là 1.098.301.800đồng), có vị trí: hướng Bắc giáp đường nhựa Tỉnh lộ 3 dài 06m; hướng Nam giáp đất ông Hoàng Văn B2 dài 5m; hướng Đông giáp đất ông Dương C2 dài 170m, hướng Tây giáp đất bà Nguyễn Thị Bích T dài 185m và sở hữu tài sản trên đất gồm: 01 giếng khoan, 06 cây Bơ Bost và 06m tường rào, cổng ngõ nhưng phải thanh toán giá trị 01 giếng khoan, 06 cây Bơ Bost cho bà T (Giếng khoan: 54.102.600đồng + 06 cây Bơ Bost 4.795.200đồng = 58.897.800đồng).

Ghi nhận sự tự nguyện của bà T giao cho 07 đồng thừa kế nêu trên được quyền sở hữu, sử dụng 06m tường rào, cổng ngõ phía trước lô đất đường Tỉnh lộ 3 và tự nguyện tháo dỡ phần nhà nằm trên phần đất 986,30m^2, không yêu cầu 07 đồng thừa kế khác phải thanh toán khoản chi phí tháo dỡ và hoàn thiện lại ngôi nhà. Riêng về số lượng cây Bơ Bost trên phần đất 986,30m^2 tại phiên toà bà T khai có 28 cây; tuy nhiên, sau khi Hội đồng xét xử đối chiếu với Biên bản xem xét tại chỗ ngày 01/3/2024 chỉ có 06 cây nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu này của bà T.

[12] Thanh toán giá trị chênh lệch: bà Nguyễn Thị Bích T nhận tài sản có giá trị nhiều hơn nên có nghĩa vụ thanh toán cho 07 đồng thừa kế khác phần chênh lệch như sau: 1.047.996.000đồng - 463.866.600đồng = 584.129.400đồng - 58.897.800đồng = 525.231.600đồng : 7 = 75.033.000đồng.

Như vậy, bà T phải thanh toán cho 07 kỷ phần thừa kế khác giá trị chênh lệch mỗi người 75.033.000đồng.

[13] Huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 969938 do Ủy ban nhân dân huyện K cấp ngày 07/8/2006 cho hộ ông Dương Anh H1; các đương sự được giao đất có quyền liên hệ với chính quyền địa phương để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và sở hữu nhà ở theo quy định.

[14] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận; kháng cáo của anh N người đại diện của bà C, ông T1, ông C2, ông C1 và bà T là có căn cứ, cần chấp nhận một phần, sửa một phần bản án sơ thẩm như đã phân tích trên.

[15] Các quyết định khác của bản án dân sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét.

[16] Về chi phí tố tụng và án phí:

Về chi phí định giá lần 2 ngày 20/12/2023 là 4.500.00đồng bà T đã nộp và đã chi xong, bà T tự nguyện chịu.

Án phí dân sơ thẩm: do giá trị mỗi kỷ phần thừa kế được hưởng thay đổi nên án phí cũng phải điều chỉnh lại cho phù hợp.

Án phí phúc thẩm: do kháng cáo được chấp nhận nên các đương sự không phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 308 và Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 649, 650, 651, 652 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của anh Dương Minh N người đại diện của bà Dương Thị C; ông Dương T1; ông Dương C2; ông Dương Ngọc C1; bà Nguyễn Thị Bích T, sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 14/2023/DS-ST ngày 22 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Dương Thị C và yêu cầu độc lập của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Dương T1, ông Dương Ngọc C1, ông Dương C2, ông Dương Minh H, bà Nguyễn Thị Thái L, bà Trần Thị Minh L1.

a) Xác nhận lô đất diện tích 2.080m^2 tại thôn X, xã P, huyện K thuộc Thửa đất số 366, Tờ bản đồ số 10 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 969938 do Ủy ban nhân dân huyện K cấp ngày 07/8/2006 cho hộ ông Dương Anh H1 là di sản thừa kế của cụ Dương T3 và cụ Lê Thị T4 để lại.

b) Giao cho bà Nguyễn Thị Bích T được quyền sử dụng diện tích đất 1.093,70m^2; trong đó có 200m^2 đất ở (Tính cả phần đất dôi ra là 2.678,10m^2) tại thôn X, xã P, huyện K, thuộc Thửa đất số 366, Tờ bản đồ số 10 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 969938 do Ủy ban nhân dân huyện K cấp ngày 07/8/2006 cho hộ ông Dương Anh H1; có vị trí: hướng Bắc giáp đường nhựa Tỉnh lộ 3 dài 16,08m; hướng Nam giáp đất ông Hoàng Văn B2 dài 9,7m; hướng Đông giáp đất chia cho các đồng thừa kế dài 185m; hướng Tây giáp đất ông Nguyễn Đình Đ2 dài 199,2m và sở hữu toàn bộ tài sản trên đất, gồm có: Nhà chính diện tích 72.16m^2; Nhà bếp diện tích 40.5m^2; Nhà vệ sinh + bể chứa nước diện tích 8.16m^2; Sân xi măng diện tích 209.76m^2; T5 rào móng xây đá hộc, tường xây gạch ống (tường 10cm) dài 22.08m; Hàng rào lưới B40 dài 14m; 01 giếng đào sử dụng chung với ông Nguyễn Đình Đ2; 90 cây Bơ Bost trồng năm 2015.

c) Buộc bà T giao cho 07 đồng thừa kế gồm các ông, bà: Dương Thị C, Dương T1, D, Dương Ngọc C1, Dương C2, Dương Minh H, Dương Minh H2 01 lô đất có diện tích 986,30m^2 (Có sơ đồ bản vẽ kèm theo), trong đó có 200m^2 đất ở, trị giá 1.039.404.000đồng (Cộng với 01 giếng khoan và 06 cây Bơ Bost là 1.098.301.800đồng), có vị trí: hướng Bắc giáp đường nhựa Tỉnh lộ 3 dài 06m; hướng Nam giáp đất ông Hoàng Văn B2 dài 5m; hướng Đông giáp đất ông Dương C2 dài 170m, hướng Tây giáp đất bà Nguyễn Thị Bích T dài 185m và sở hữu tài sản trên đất gồm: 01 giếng khoan, 06 cây Bơ Bost và 06m tường rào, cổng ngõ nhưng phải thanh toán giá trị 01 giếng khoan, 06 cây Bơ Bost cho bà T số tiền là 58.897.800đồng.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà T giao cho 07 đồng thừa kế nêu trên được quyền sở hữu, sử dụng 06m tường rào, cổng ngõ phía trước lô đất đường Tỉnh lộ 3 và tự nguyện tháo dỡ phần nhà nằm trên phần đất 986,30m^2, không yêu cầu 07 đồng thừa kế khác phải thanh toán khoản chi phí tháo dỡ và hoàn thiện lại ngôi nhà.

d) Buộc bà Nguyễn Thị Bích T có nghĩa vụ thanh toán cho 07 đồng thừa kế gồm:

- Bà Dương Thị C số tiền 75.033.000đồng *(Bảy mươi lăm triệu ba mươi ba ngàn đồng)*.

- Ông Dương T1 số tiền 75.033.000đồng *(Bảy mươi lăm triệu ba mươi ba ngàn đồng)*.

- Ông Dương Ngọc C1 số tiền 75.033.000đồng *(Bảy mươi lăm triệu ba mươi ba ngàn đồng)*.

- Ông Dương C2 số tiền 75.033.000đồng *(Bảy mươi lăm triệu ba mươi ba ngàn đồng)*.

- Ông Dương Minh H số tiền 75.033.000đồng *(Bảy mươi lăm triệu ba mươi ba ngàn đồng)*.

- Bà Nguyễn Thị Thái L, anh Dương Văn M1 số tiền 75.033.000đồng *(Bảy mươi lăm triệu ba mươi ba ngàn đồng)*.

- Bà Trần Thị Minh L1, chị Dương Nguyễn T2, chị Dương Tường V và chị Dương Quỳnh M số tiền 75.033.000đồng *(Bảy mươi lăm triệu ba mươi ba ngàn đồng)*.

3. Về chi phí tố tụng và án phí:

- Về chi phí định giá lần 1 ngày 28/4/2022 là 4.400.00đồng bà C đã nộp và đã chi xong.

- Về chi phí định giá lần 2 ngày 20/12/2023 là 4.500.00đồng bà T đã nộp và đã chi xong.

- Án phí dân sự sơ thẩm:

Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Dương Thị C, ông Dương T1, bà Nguyễn Thị Thái L và Nguyễn Thị Bích T.

Ông Dương Ngọc C1 phải chịu 11.596.600đồng, được khấu trừ vào số tiền 2.360.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số AA/2021/0022536 ngày 22/11/2022 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk. Ông C1 còn phải nộp 9.236.600 đồng.

Ông Dương C2 phải chịu 11.596.600đồng, được khấu trừ vào số tiền 2.360.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số AA/2021/0022538 ngày 22/11/2022 (do ông Dương Ngọc C1 nộp thay) tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk. Ông C2 còn phải nộp 9.236.600 đồng.

Ông Dương Minh H phải chịu 11.596.600đồng, được khấu trừ vào số tiền 2.360.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số AA/2021/0022537 ngày 22/11/2022 (do ông Dương Ngọc C1 nộp thay) tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk. Ông H còn phải nộp 9.236.600 đồng.

Bà Trần Thị Minh L1, chị Dương Nguyễn T2, chị Dương Tường V và chị Dương Quỳnh M phải chịu 11.596.600đồng, được khấu trừ vào số tiền 2.360.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số AA/2021/0022539 ngày 22/11/2022 (do ông Dương Ngọc C1 nộp thay) tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk. Bà L1 còn phải nộp 9.236.600 đồng.

- Án phí dân sự phúc thẩm: tất cả các đương sự không phải chịu.

4. Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2022/QĐST-BPKCTT ngày 22/02/2022 của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Võ Ngọc Thông